



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 934/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Bãi bỏ nội dung công bố của thủ tục hành chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1709/QĐ-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Bộ (để thực hiện theo dõi, đăng tải lên Cổng dịch vụ công quốc gia);
- Cục CNTT&CĐS (để đăng tải Cổng TTĐT);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, QLG (03b). /

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Cận

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 934/QĐ-BTC
ngày 15 tháng 4... năm 2026 của Bộ Tài chính)

**PHẦN I: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	2.002634	Đăng ký hành nghề thẩm định giá	Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Quản lý giá	Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính	STT 1 Phần II Quyết định số 1709/QĐ- BTC ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2	1.011500	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong	Quản lý giá	Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính	STT 2 Phần II Quyết định số 1709/QĐ- BTC ngày 22 tháng 7

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
			lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính			năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số **934** /QĐ-BTC ngày **15** tháng **4** năm 2026 của Bộ Tài chính)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

Lĩnh quản lý giá

1. Đăng ký hành nghề thẩm định giá (Mã hồ sơ TTHC: 2.002634)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp thẩm định giá nộp hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá cho Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính bằng một trong các phương thức sau: dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có).

- Bước 2: Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính chuyển hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá của Doanh nghiệp tới Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính để xử lý theo quy định.

- Bước 3:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ cho thấy người có thể thẩm định viên về giá chưa đáp ứng đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá, Bộ Tài chính có văn bản trả lời về lý do chưa đủ điều kiện đăng ký hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và được Bộ Tài chính tiếp nhận trước ngày 15 của tháng đó thì được Bộ Tài chính thông báo là thẩm định viên về giá trong danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh hằng tháng.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp online trên Công Dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính.

1.3. Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản về việc đăng ký hành nghề thẩm định giá Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

b) Đơn đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

c) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ giấy tờ chứng minh đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đăng ký hành nghề và còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký hành nghề trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

d) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 bản giấy do cơ quan có thẩm quyền cấp không quá 06 tháng tính đến thời điểm đăng ký hành nghề hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Phiếu này hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1 bản điện tử được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID không quá 06 tháng tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

đ) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá với vai trò là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp;

e) Giấy xác nhận thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ sổ bảo hiểm xã hội thể hiện quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trừ trường hợp đã được thông báo là thẩm định viên về giá theo quy định của Luật Giá;

g) Bản sao hợp đồng lao động ký kết giữa doanh nghiệp và người có thẻ thẩm định viên về giá trừ trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

1.4. Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

1.5. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, hồ sơ sẽ không được xem xét để đưa vào thông báo danh sách thẩm định viên về giá.

b) Trường hợp hồ sơ cho thấy người có thẻ thẩm định viên về giá chưa đáp ứng đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có) đến doanh nghiệp lý do chưa đủ điều kiện đăng ký hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và được Bộ Tài chính tiếp nhận trước ngày 15 của tháng đó thì được Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính thông báo là thẩm định viên về giá trong danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh hằng tháng.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người có thể thẩm định viên về giá và doanh nghiệp thẩm định giá

1.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính

1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo danh sách điều chỉnh thẩm định viên hàng tháng của Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Thông báo lý do chưa đủ điều kiện đăng ký hành nghề.

1.9. Phí, lệ phí: Không có

1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Các mẫu số 01, 02, 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động đang còn hiệu lực với doanh nghiệp mà người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá, trừ trường hợp người có thể thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

c) Có tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá với trình độ đại học trở lên từ đủ 36 tháng. Trường hợp làm việc với trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng theo quy định của pháp luật thì tổng thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá từ đủ 24 tháng;

d) Đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

đ) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Giá.

1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

- Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Mẫu đơn đính kèm:

Mẫu số 03

(Kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

V/v đăng ký hành nghề thẩm
định giá

Kính gửi: Bộ Tài chính.

.....<tên doanh nghiệp>..... đã được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số...../TĐG cấp ngày:.....

Nay.....<tên doanh nghiệp>..... gửi hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho những người có thể thẩm định viên về giá sau:

TT	Họ và tên	Số thẻ TĐV	Chức danh hành nghề (Tổng giám đốc/Giám đốc/ Thẩm định viên)	Nơi đăng ký hành nghề (Trụ sở chính/ tên Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá)	Lĩnh vực thẩm định giá (tài sản/doanh nghiệp/tài sản và doanh nghiệp)
1					
...					
...					

Kính đề nghị Bộ Tài chính thông báo những người có thể thẩm định viên về giá trên là thẩm định viên về giá tại<tên doanh nghiệp>.....

Hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá của từng người có thể thẩm định viên về giá (kèm theo).

TÊN DOANH NGHIỆP

(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện
theo pháp luật, đóng dấu)

Mẫu số 01

(Kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6
(đóng dấu giáp lai
của doanh nghiệp)

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ THỂ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ

Họ và tên (chữ in hoa):

Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

CCCD/CMND/CC số: ngày cấp:.....nơi cấp:.....

Thẻ thẩm định viên về giá: Số do Bộ Tài chính cấp ngày:

Số điện thoại di động:.....

1. Thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá

Thời gian từ ... đến ...	Công việc - Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tháng làm việc
.....			
.....			

Lưu ý:

(i) Chỉ yêu cầu kê khai thông tin đối với người có thể thẩm định viên về giá chưa từng được thông báo là thẩm định viên về giá theo quy định của Luật Giá.

(ii) Chỉ kê khai quá trình thực tế làm việc với trình độ đại học trở lên tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá. Tổng thời gian kê khai tối thiểu đủ 36 tháng với trình độ đại học trở lên hoặc tối thiểu đủ 24 tháng với trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng.

2. Tổng thời gian là thẩm định viên về giá (áp dụng khi đăng ký hành nghề thẩm định giá với vai trò là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp)

Ngày bắt đầu hành nghề	Thông báo hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Ngày chấm dứt hành nghề	Thông báo chấm dứt hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Công việc - Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tháng là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề
Năm.....						
.....						

.....						
Năm.....						
.....						
.....						

Lưu ý: Kê khai tối thiểu đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá theo các Thông báo gần nhất của Bộ Tài chính

II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....
ngày cấp:..... nơi cấp:.....

2. Mã số giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá:
..... do Bộ Tài chính cấp ngày:.....

Lưu ý: Để trống nếu hồ sơ đăng ký hành nghề kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

3. Người đại diện theo pháp luật trên giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

- Họ và tên:.....

- Chức vụ:.....

Lưu ý: Trường hợp hồ sơ đăng ký hành nghề kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì kê khai thông tin của người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá với vai trò là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

III. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Nơi đăng ký hành nghề thẩm định giá:..... (ghi rõ trụ sở chính hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá).

2. Lĩnh vực đăng ký hành nghề thẩm định giá:..... (thẩm định giá tài sản/thẩm định giá doanh nghiệp/thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp).

IV. DANH SÁCH CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Lưu ý: Danh sách tài liệu phù hợp với quy định tại điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 3 của Nghị định này.

Chúng tôi xin cam kết những nội dung kê khai trên là đúng và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của những nội dung đã kê khai và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo giấy đăng ký này.

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, thông báo ông/bà.....là thẩm định viên về giá tại.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
(Chữ ký, họ tên của người đại diện
theo pháp luật, đóng dấu)

**NGƯỜI CÓ THỂ
THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ**
(Chữ ký, họ tên)

Mẫu số 02

(Kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Thời gian thực tế làm việc với trình độ đại học trở lên

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước
về giá và thẩm định giá nơi đã/đang công tác).....
(Địa chỉ cơ quan, đơn vị).....

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh:

3. Số CC/CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu: Cấp ngày:

Nơi cấp:.....

4. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình làm việc thực tế của
tôi với trình độ đại học trở lên tại cơ quan, đơn vị như sau:

Thời gian Từ đến	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng làm việc thực tế

....., ngày tháng.....năm ...

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác
thực tế của Anh/Chị nêu trên là
đúng sự thật.

(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp thẩm định giá/thủ trưởng cơ
quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá
xác nhận và đóng dấu)

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (Mã hồ sơ TTHC: 1.011500)

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tới Bộ Tài chính qua Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính, bằng một trong các phương thức sau: dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá phải gửi hồ sơ đến Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách hoặc thông tin thay đổi so với thông tin trên giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp nộp phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

b) Bước 2: Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính chuyển hồ sơ của Doanh nghiệp đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tới Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính để xử lý theo quy định.

c) Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì Bộ Tài chính xem xét để cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến. Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện và gửi bổ sung hồ sơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính có văn bản thông báo không cấp, cấp lại.

+ Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp không đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính có văn bản thông báo lý do không cấp, cấp lại.

+ Trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá đề nghị cấp lại chỉ vì lý do giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo mẫu quy định tại Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

2.2. Cách thức thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Doanh nghiệp có

trách nhiệm hoàn thiện và gửi bổ sung hồ sơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính có văn bản thông báo không cấp, cấp lại;

- Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp không đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính có văn bản thông báo lý do không cấp, cấp lại;

- Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024.

2.3. Thành phần hồ sơ:

2.3.1. Một bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;

c) Hồ sơ đăng ký hành nghề theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá của ít nhất 05 người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp; trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, mỗi chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá cần có thêm ít nhất hồ sơ đăng ký hành nghề của 03 người có thể thẩm định viên về giá;

d) Danh sách có xác nhận của doanh nghiệp về thành viên góp vốn, cổ đông là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Danh sách này trong trường hợp không có thông tin về danh sách thành viên góp vốn, danh sách cổ đông tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

đ) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2.3.2. Một bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số

78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;

c) Danh sách có xác nhận của doanh nghiệp về thành viên góp vốn, cổ đông là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Danh sách này trong trường hợp không có thông tin về danh sách thành viên góp vốn, danh sách cổ đông tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Bản gốc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận hoặc giấy chứng nhận bị rách; bản kê khai lý do bị mất giấy chứng nhận và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung đã kê khai hoặc bản sao điện tử hợp lệ của bản kê khai này trong trường hợp đề nghị cấp lại do giấy chứng nhận bị mất;

đ) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ các tài liệu chứng minh cho việc thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận;

e) Hồ sơ đăng ký hành nghề theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá của những người có thể thẩm định viên về giá có liên quan đến việc cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (nếu có).

2.4. Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

2.5. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định.

2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp thẩm định giá

2.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện và gửi bổ sung hồ sơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính có văn bản thông báo không cấp, cấp lại;

- Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp không đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính có văn bản thông báo lý do không cấp, cấp lại;

- Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 06 kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024.

2.9. Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá quy định tại Thông tư số 142/2016/TT-BTC ngày 26/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và Thông tư 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

2.10.1. Điều kiện chung:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Có ít nhất 05 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, mỗi chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá cần có thêm ít nhất hồ sơ đăng ký hành nghề của 03 người có thể thẩm định viên về giá.

- Đối với người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá (quy định tại Điều 51 Luật Giá 2023):

(1) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(2) Là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(3) Là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

(4) Có ít nhất 03 năm (36 tháng) là thẩm định viên về giá;

(5) Không là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong khoảng thời gian 01 năm (12 tháng) tính tới thời điểm nộp hồ sơ cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

(6) Có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động đang còn

hiệu lực với doanh nghiệp mà người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá, trừ trường hợp người có thể thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

(7) Đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

(8) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Giá 2023.

+ Tổng số vốn góp của các thành viên hoặc cổ đông là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp phải chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

+ Đối với thành viên góp vốn hoặc cổ đông của doanh nghiệp thẩm định giá là tổ chức: (i) Thành viên là tổ chức được góp không quá 35% vốn điều lệ. Trường hợp có nhiều tổ chức góp vốn thì tổng số vốn góp của các tổ chức tối đa bằng 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thẩm định giá.

2.10.2. Điều kiện tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp:

+ Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh thì chủ doanh nghiệp, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp tư nhân; người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật Giá. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân, các thành viên hợp danh công ty hợp danh phải là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp;

+ Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thì người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật Giá; đồng thời doanh nghiệp phải có ít nhất 02 thành viên góp vốn hoặc 02 cổ đông phải là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
- Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

Mẫu đơn đính kèm:**Mẫu số 05**

(Kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

1. Trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax:

Website (nếu có) E-mail:

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số.....do cấp ngày/...../..... tại, thay đổi lần thứ ngày/...../.....

Ngành nghề kinh doanh thẩm định giá: Có ☐ Mã ngành:.....Không ☐

4. Vốn điều lệ:

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Số CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:/...../..... tại

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ: tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ... ngày/...../..... do Bộ Tài chính cấp.

Phần 2. Thông tin về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có)

1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1:

- Tên chi nhánh:

- Trụ sở chi nhánh:

Địa chỉ giao dịch:

- Điện thoại:

- Fax:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số do cấp ngày/...../..... tại; thay đổi lần thứ ngày/...../.....

Ngành nghề kinh doanh thẩm định giá: Có ☐ Mã ngành:.....

Không ☐

- Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên:

Số CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:/...../..... tại

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ: tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ngày / / do Bộ Tài chính cấp.

2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2: (cung cấp thông tin như Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1)

Phần 3. Thông tin về thẩm định viên đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có)

Loại hình doanh nghiệp:

TT	Họ tên	Số CMND/C CCD/ Hộ chiếu	Chức vụ	Tư cách thành viên tại doanh nghiệp (trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên cần kê khai thêm phần trăm vốn góp của từng thẩm định viên)	Thẻ thẩm định viên về giá		Cập nhật kiến thức về thẩm định giá
					Số	Ngày cấp	
Trụ sở chính							
1							
2							
....							
Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1							
1							
....							
Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá....							
....							
....							

Phần 4. Thông tin về vốn góp của thành viên là tổ chức (đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần)

Tổng số vốn góp của các thành viên là tổ chức:

Tổng tỷ lệ sở hữu:

Cụ thể mức vốn góp của các thành viên là tổ chức:

1. Tên tổ chức thứ nhất: (ghi bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Quyết định thành lập (hoặc đăng ký kinh doanh) số ngày / /

- Người đại diện phần vốn góp:

Họ và tên:

Số CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày: / / tại

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ: tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ... ngày / / ... do Bộ Tài chính cấp.

Số vốn góp theo đăng ký: Thời hạn góp vốn:

Giá trị vốn đã thực góp tính đến thời điểm hiện tại:

Tỷ lệ sở hữu vốn tại doanh nghiệp:

Số văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của thành viên góp vốn, công đồng là tổ chức theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp:

2. Tên tổ chức thứ hai: (kê khai như tổ chức thứ nhất)

Phần 5. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo

1. đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp.

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

Phần 6. Doanh nghiệp cam kết

..... xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, ... sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)

2. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Kính gửi: Bộ Tài chính.

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)*

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:

Loại hình doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật: *(Họ tên, chức vụ)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ giao dịch:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do cấp ngày tháng năm..... tại, thay đổi lần thứ ngày tháng năm.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày tháng năm..... tại, cấp lại lần thứ ngày tháng năm..... tại

Đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số cấp ngày tháng năm.....

2. Lý do đề nghị cấp lại:

.....

Nội dung trước khi cấp lại:

.....

.....

Nội dung thay đổi sau khi cấp lại:

.....

.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....
.....

4. Doanh nghiệp cam kết

..... xin cam kết:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

b) Nếu được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, ... sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện
theo pháp luật, đóng dấu)*